

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

CHO KỲ KẾ TOÁN 06 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy Ban Kiểm toán và Người đại diện theo pháp luật đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đức Tiến	Chủ tịch (từ ngày 26/08/2025)
Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch (đến hết ngày 25/08/2025)
	Thành viên (từ ngày 26/08/2025)
Ông Nguyễn Duy Kiên	Phó Chủ tịch (từ ngày 26/08/2025)
Ông Tạ Hữu Diễn	Phó Chủ tịch (đến hết ngày 22/08/2025)
Ông Võ Văn Phúc	Thành viên (đến hết ngày 22/08/2025)
Ông Phạm Hồng Thắng	Thành viên độc lập
Ông Phạm Ngọc Quốc Cường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Võ Văn Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Kiều Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc

Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Ông Phạm Hồng Thắng	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Quốc Cường	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch
Ông Võ Văn Phúc	Tổng giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài sự kiện đã nêu tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và triển khai hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hiệu quả để hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Võ Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

Số: 1065/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty") được lập ngày 18/09/2025, từ trang 05 đến trang 46 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 được kiểm toán và soát xét bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ theo Báo cáo kiểm toán số 300325.006/BCTC.KT5 ngày 30/03/2025 và kết luận chấp nhận toàn phần theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 290824.023/BCTC ngày 29/08/2024.



Phạm Thị Thảo

Giám đốc kiểm toán

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2465-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		696.072.056.400	743.854.633.170
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.301.524.142	11.626.302.864
Tiền	111		3.279.524.943	9.956.133.329
Các khoản tương đương tiền	112		1.021.999.199	1.670.169.535
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		498.217.492.950	524.820.488.614
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	280.917.913.208	329.729.503.172
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	220.740.336.481	197.214.050.617
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	12.974.797.863	14.292.489.427
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	9	(16.415.554.602)	(16.415.554.602)
Hàng tồn kho	140	10	165.363.035.041	178.736.264.575
Hàng tồn kho	141		171.703.269.060	185.076.498.594
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.340.234.019)	(6.340.234.019)
Tài sản ngắn hạn khác	150		28.190.004.267	28.671.577.117
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	888.503.925	1.852.148.224
Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.665.693.896	25.209.329.638
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	1.635.806.446	1.610.099.255
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		295.175.140.812	302.700.820.579
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.574.105.169	2.381.574.681
Phải thu dài hạn khác	216	8	2.574.105.169	2.381.574.681
Tài sản cố định	220		65.106.941.792	72.137.748.241
Tài sản cố định hữu hình	221	11	61.466.614.448	68.441.462.563
- Nguyên giá	222		295.509.906.916	295.509.906.916
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(234.043.292.468)	(227.068.444.353)
Tài sản cố định vô hình	227	12	3.640.327.344	3.696.285.678
- Nguyên giá	228		5.022.375.400	5.022.375.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.382.048.056)	(1.326.089.722)
Bất động sản đầu tư	230	13	2.945.980.930	2.994.275.698
- Nguyên giá	231		5.686.065.091	5.686.065.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.740.084.161)	(2.691.789.393)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	216.692.071.618	217.527.641.230
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		253.389.860.000	253.389.860.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	254		(36.697.788.382)	(35.862.218.770)
Tài sản dài hạn khác	260		7.856.041.303	7.659.580.729
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	7.070.679.983	6.831.886.588
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	34	785.361.320	827.694.141
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		991.247.197.212	1.046.555.453.749

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		610.733.217.218	635.331.217.332
Nợ ngắn hạn	310		602.409.983.315	627.255.963.897
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	156.263.801.197	195.428.209.696
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	17.775.404.753	34.672.805.891
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	10.473.432.677	13.262.842.111
Phải trả người lao động	314		4.733.522.533	5.037.245.169
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	24.298.965.981	31.046.892.559
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	381.818.184	763.636.368
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	6.335.705.269	5.227.143.910
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	381.524.937.944	340.645.759.416
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		622.394.777	1.171.428.777
Nợ dài hạn	330		8.323.233.903	8.075.253.435
Chi phí phải trả dài hạn	333	21	158.576.730	371.018.012
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	5.854.545.423	5.854.545.423
Phải trả dài hạn khác	337	22	154.000.000	158.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	441.500.000	320.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.714.611.750	1.371.690.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		380.513.979.994	411.224.236.417
Vốn chủ sở hữu	410	23	380.513.979.994	411.224.236.417
Vốn góp của chủ sở hữu	411		320.647.490.000	320.647.490.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		320.647.490.000	320.647.490.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.471.159.235	4.471.159.235
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.296.421.018	1.296.421.018
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.269.904.538	46.262.639.263
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		46.262.639.263	46.104.863.861
- LNST chưa phân phối kì này	421b		(30.992.734.725)	157.775.402
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		38.829.005.203	38.546.526.901
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		991.247.197.212	1.046.555.453.749

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Lê Phú Minh Đức



Lê Phú Minh Đức



Võ Văn Phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	228.739.088.900	313.994.069.132
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		228.739.088.900	313.994.069.132
Giá vốn hàng bán	11	25	225.460.541.979	278.378.869.362
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.278.546.921	35.615.199.770
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	20.025.754	189.359.847
Chi phí tài chính	22	27	15.032.712.087	14.387.323.052
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.149.542.475	12.477.079.731
Chi phí bán hàng	25	28	238.557.060	1.021.726.673
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	18.577.561.214	16.522.176.035
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(30.550.257.686)	3.873.333.857
Thu nhập khác	31	31	85.572.031	863.375.039
Chi phí khác	32	32	61.047.319	186.013.951
Lợi nhuận khác	40		24.524.712	677.361.088
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(30.525.732.974)	4.550.694.945
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	142.190.628	1.940.877.595
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	42.332.821	42.332.821
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(30.710.256.423)	2.567.484.529
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		(30.992.734.725)	2.063.936.179
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		282.478.302	503.548.350
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	(967)	64
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	35	(967)	64

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

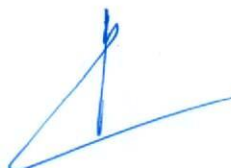
Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Lê Phú Minh Đức



Lê Phú Minh Đức



Võ Văn Phúc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(30.525.732.974)	4.550.694.945
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.079.101.217	7.328.341.656
Các khoản dự phòng	03	1.178.491.362	945.135.292
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05	(20.025.754)	(241.798.744)
Chi phí lãi vay	06	14.149.542.475	12.477.079.731
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(8.138.623.674)	25.059.452.880
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	25.928.393.727	(52.207.884.326)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	13.373.229.534	(10.328.528.378)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp)	11	(65.004.179.401)	(118.884.965.585)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(238.793.395)	120.264.866
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.887.009.795)	(11.902.629.685)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.600.000.000)	(14.496.712.179)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(749.343.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(49.566.983.004)	(183.390.345.907)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.793.598.858)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	82.545.455
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.025.754	206.025.295
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	20.025.754	(1.505.028.108)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	252.761.024.683	231.601.695.692
Tiền trả nợ gốc vay	34	(210.538.846.155)	(204.248.230.456)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.190.045.792)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	42.222.178.528	25.163.419.444
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7.324.778.722)	(159.731.954.571)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	11.626.302.864
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	4.301.524.142

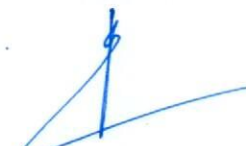
Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc


Lê Phú Minh Đức


Lê Phú Minh Đức


Vũ Văn Phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt trước đây là Công ty Công trình Đường sắt, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3745/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Giao thông Vận tải. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103008002 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 05 năm 2005, sau đó được thay đổi thành số 3300101075 tại lần thay đổi lần thứ 16 ngày 21 tháng 07 năm 2015, đến nay lần thay đổi gần nhất (lần thứ 24) vào ngày 04 tháng 07 năm 2024.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là: 320.647.490.000 VND, tương đương 32.064.749 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2025 là 176 người (Tại ngày 31/12/2024 là 181 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025: Xây lắp, thương mại và dịch vụ.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Chi tiết: xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị ngành giao thông vận tải, xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện chuyên dụng của ngành đường sắt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Chi tiết: kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét và hoàn toàn có thể so sánh được.

1.6 CẤU TRÚC TẬP ĐOÀN

Tổng công ty có các Công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết (%)	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	Nghệ An	50,33	Sản xuất công nghiệp và xây lắp
Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	Đà Nẵng	100	Sản xuất công nghiệp, xây lắp và thương mại

(i) Công ty CP Đá Hoàng Mai (“Đá Hoàng Mai”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901437166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20 tháng 10 năm 2011 và cấp thay đổi lần thứ 06 vào ngày 26 tháng 11 năm 2021. Đá Hoàng Mai có trụ sở tại: Khối Tân Thành, Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con là: khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; đúc sắt, thép; sửa chữa máy móc, thiết bị; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Đá Hoàng Mai là 50,33%.

(ii) Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng (“DRM”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101813 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2005 và cấp thay đổi lần thứ 10 vào ngày 10 tháng 04 năm 2024. DRM có trụ sở tại số 61 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hải Vân, TP Đà Nẵng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con là: bán buôn vật tư, thiết bị và phụ tùng máy móc; xây dựng công trình đường bộ; xây dựng công trình đường sắt; sản xuất tấm bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép; lắp ráp và sản xuất ghi, phụ kiện đường sắt... Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại DRM là 100%.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

4.5 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá xuất kho được xác định theo phương pháp đích danh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được trích Theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- Quyền sử dụng đất	32 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài không xác định thời hạn	Không khấu hao
- Phần mềm máy tính	10 năm

4.8 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
--------------------------	--------

4.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận theo số tiền nộp theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền, được công ty phân bổ theo thời gian khai thác mỏ.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí sửa chữa tài sản được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

4.12 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty, các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay hợp nhất biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, trích trước chi phí công trình... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

4.16 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.16 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ (TIẾP)

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

4.17 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về thuê tài sản được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

4.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

4.19 DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.19 DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.
- Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, lãi cho vay và cổ tức lợi nhuận được chia từ khoản đầu tư vào các Công ty con (nếu có). Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn được xác định theo từng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn được xác định theo số dư tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và được áp dụng cho từng thời kỳ theo lãi suất của ngân hàng thương mại mở tài khoản.

Thu nhập khác

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ hợp nhất khác biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp tính giá vốn công trình xây lắp theo Thông báo số 1378/TB/CTĐS ngày 04/12/2009 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt. Theo đó, giá vốn lũy kế của các công trình xây lắp được xác định bằng tỷ lệ doanh thu thuần (giá trị đã được chủ đầu tư nghiệm thu) lũy kế trên tổng giá trị sản lượng công trình hoàn thành lũy kế kể từ thời điểm bắt đầu khởi công công trình cho tới thời điểm kết thúc năm tài chính (được xác định căn cứ kết quả kiểm kê thực tế khối lượng công việc thực hiện và nhân với đơn giá theo hợp đồng) nhân với tổng chi phí lũy kế phát sinh ở mỗi công trình. Giá vốn công trình xây lắp ghi nhận trong năm bằng giá vốn lũy kế xác định theo phương pháp trên trừ đi tổng giá vốn đã ghi nhận đến thời điểm trước năm tài chính.

4.21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;.... được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.22 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

4.23 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.23 CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU, LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.25 THÔNG TIN BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	282.934.097	244.429.581
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.996.590.846	9.711.703.748
- Các khoản tương đương tiền	1.021.999.199	1.670.169.535
Cộng	4.301.524.142	11.626.302.864

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng với lãi suất từ 1,6%/năm đến 1,7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

Số 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Ban Quản lý dự án đường sắt	59.364.764.173	-	109.366.005.574	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Miền Trung	66.029.392.655	-	66.029.392.655	-
- Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	29.393.099.933	-	26.938.662.488	-
- Công ty CP Xây dựng Công trình Đường sắt 796	20.326.908.982	-	19.725.833.734	-
- Công ty CP Công trình 875	12.754.218.297	-	14.195.269.297	-
- Tổng công ty xây dựng Công trình Giao thông 1- CTCP	8.289.858.145	(8.289.858.145)	8.289.858.145	(8.289.858.145)
- Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Trung Chính	16.098.962.766	-	19.258.828.517	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	68.660.708.257	(2.565.967.784)	65.925.652.762	(2.565.967.784)
Cộng	280.917.913.208	(10.855.825.929)	329.729.503.172	(10.855.825.929)
<i>Trong đó, Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>67.418.580.326</i>	<i>-</i>	<i>65.771.734.603</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết theo Thuyết minh số 37)</i>				

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

Số 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty CP Công trình 793	37.412.344.906	-	35.668.836.020	-
- Công ty CP Công trình Cơ giới 798	41.125.756.231	-	28.176.494.147	-
- Công ty CP Công trình 879	30.876.083.038	-	26.087.735.038	-
- Công ty CP Xây dựng Công trình Đường sắt 796	25.090.792.061	-	24.641.788.888	-
- Công ty CP Công trình 792	19.091.823.484	-	20.658.853.484	-
- Công ty CP Công trình 791	16.274.239.814	-	17.018.159.696	-
- Công ty CP Công trình 875	20.397.602.619	-	15.203.446.777	-
- Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	20.058.434.882	-	12.347.484.882	-
- Công ty CP Xây dựng và Tư vấn Kỹ thuật	1.712.271.000	(1.712.271.000)	1.712.271.000	(1.712.271.000)
- Các đối tượng khác	8.700.988.446	-	15.698.980.685	-
Cộng	220.740.336.481	(1.712.271.000)	197.214.050.617	(1.712.271.000)
<i>Trong đó, Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>	<i>214.229.877.035</i>	<i>-</i>	<i>183.802.798.932</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết theo Thuyết minh số 37)</i>				

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

Số 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	7.375.107.742	-	8.475.815.905	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	875.000.000	(875.000.000)	875.000.000	(875.000.000)
- Công ty TNHH MTV Tổng đội Thanh niên Xung phong Trường Sơn	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Bắc Hà	1.700.000.000	(1.700.000.000)	1.700.000.000	(1.700.000.000)
- Phải thu khác	2.024.690.121	(272.457.673)	2.241.673.522	(272.457.673)
Cộng	12.974.797.863	(3.847.457.673)	14.292.489.427	(3.847.457.673)
Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	2.574.105.169	-	2.381.574.681	-
- Ông Nguyễn Hải Duy	-	-	4.219.904.110	-
- Công ty CP Công trình 879	-	-	36.233.520	-
Cộng	2.574.105.169	-	2.381.574.681	-
Trong đó, Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết theo Thuyết minh số 37)	54.350.280	-	4.256.137.630	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

Số 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. NỢ XẤU

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá trị	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị	Dự phòng
	VND	có thể thu hồi VND	VND	VND	có thể thu hồi VND	VND
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 1 - CTCP	8.289.858.145	-	(8.289.858.145)	8.289.858.145	-	(8.289.858.145)
- Công ty CP Xây dựng và Tư vấn Kỹ thuật	1.712.271.000	-	(1.712.271.000)	1.712.271.000	-	(1.712.271.000)
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Bắc Hà	1.700.000.000	-	(1.700.000.000)	1.700.000.000	-	(1.700.000.000)
- Công ty TNHH MTV Tổng đội Thanh niên xung phong Trường Sơn	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
- Các đối tượng khác	4.104.594.703	391.169.246	(3.713.425.457)	4.104.594.703	391.169.246	(3.713.425.457)
Cộng	16.806.723.848	391.169.246	(16.415.554.602)	16.806.723.848	391.169.246	(16.415.554.602)

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	30.111.966.913	-	35.841.583.605	-
- Công cụ, dụng cụ	271.837.285	-	365.723.180	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	115.275.626.694	(6.340.234.019)	123.459.445.830	(6.340.234.019)
- Thành phẩm	22.954.490.063	-	22.257.770.287	-
- Hàng hóa	3.089.348.105	-	3.151.975.692	-
	171.703.269.060	(6.340.234.019)	185.076.498.594	(6.340.234.019)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

Số 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	71.224.328.659	188.726.643.522	33.785.353.755	1.773.580.980	295.509.906.916
30/06/2025	71.224.328.659	188.726.643.522	33.785.353.755	1.773.580.980	295.509.906.916
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	(43.995.951.892)	(159.621.181.027)	(21.768.404.032)	(1.682.907.402)	(227.068.444.353)
- Khấu hao trong kỳ	(908.862.141)	(4.983.498.619)	(1.037.861.096)	(44.626.259)	(6.974.848.115)
30/06/2025	(44.904.814.033)	(164.604.679.646)	(22.806.265.128)	(1.727.533.661)	(234.043.292.468)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	27.228.376.767	29.105.462.495	12.016.949.723	90.673.578	68.441.462.563
30/06/2025	26.319.514.626	24.121.963.876	10.979.088.627	46.047.319	61.466.614.448

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 89.005.493.921 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 87.427.323.825 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30/06/2025 là 34.583.326.502 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 44.037.168.805 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử đất VND	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2025	4.862.375.400	160.000.000	5.022.375.400
30/06/2025	4.862.375.400	160.000.000	5.022.375.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2025	(1.211.423.044)	(114.666.678)	(1.326.089.722)
- Khấu hao trong kỳ	(55.958.334)	-	(55.958.334)
30/06/2025	(1.267.381.378)	(114.666.678)	(1.382.048.056)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2025	3.650.952.356	45.333.322	3.696.285.678
30/06/2025	3.594.994.022	45.333.322	3.640.327.344

(*) Quyền sử dụng đất là tài sản cố định vô hình bao gồm: Giá trị của quyền sử dụng đất lâu dài, không xác định thời hạn của Tổng Công ty tại khu phố Đông Tân, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương với diện tích 228 m² và khu đất tại xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với diện tích 19.306,7 m², thời hạn sử dụng đất tháng 03 năm 2046.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc (*) VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	5.686.065.091	5.686.065.091
30/06/2025	5.686.065.091	5.686.065.091
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2025	(2.691.789.393)	(2.691.789.393)
- Khấu hao trong kỳ	(48.294.768)	(48.294.768)
30/06/2025	(2.740.084.161)	(2.740.084.161)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	2.994.275.698	2.994.275.698
30/06/2025	2.945.980.930	2.945.980.930

(*) Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là văn phòng cho thuê tại số 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội. Bất động sản này đang được Tổng công ty thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đô.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	888.503.925	1.852.148.224
- Chi phí sửa chữa bảo dưỡng	362.081.545	971.521.116
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	240.838.812	619.665.441
- Chi phí bảo hiểm	206.462.747	247.301.289
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	79.120.821	13.660.378
Dài hạn	7.070.679.983	6.831.886.588
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.332.860.522	3.724.967.064
- Chi phí trả trước tiền thuê đất nhà trạm 76	631.216.866	649.251.630
- Chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị	2.864.206.256	1.948.450.321
- Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	196.371.769
- Chi phí trả trước dài hạn khác	242.396.339	312.845.804
Cộng	7.959.183.908	8.684.034.812

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

Số 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác						
- Công ty CP Công trình 791	5.831.680.000	(*)	(5.698.215.365)	5.831.680.000	(*)	(5.708.951.648)
- Công ty CP Công trình 792	6.300.000.000	(*)	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(*)	(6.077.734.855)
- Công ty CP Công trình 793	4.549.930.000	(*)	(4.549.930.000)	4.549.930.000	(*)	(4.549.930.000)
- Công ty CP Xây dựng Công trình Đường sắt 796	2.500.000.000	(*)	(2.500.000.000)	2.500.000.000	(*)	(2.500.000.000)
- Công ty CP Công trình Cơ giới 798	3.907.600.000	(*)	(3.907.600.000)	3.907.600.000	(*)	(3.907.600.000)
- Công ty CP Công trình 875	4.499.700.000	(*)	(4.499.700.000)	4.499.700.000	(*)	(3.965.643.759)
- Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	4.850.950.000	(*)	(4.850.950.000)	4.850.950.000	(*)	(4.850.950.000)
- Công ty CP Công trình 879	6.350.000.000	(*)	(4.391.393.017)	6.350.000.000	(*)	(4.301.408.508)
- Công ty CP Vật tư Đường sắt Sài Gòn	100.000.000	(*)	-	100.000.000	(*)	-
- Công ty CP Neo Floor	214.500.000.000	(*)	-	214.500.000.000	(*)	-
Tổng	253.389.860.000		(36.697.788.382)	253.389.860.000		(35.862.218.770)

- (*) Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết còn lại để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và kế toán chuẩn mực Việt Nam và chế độ doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

Thông tin chi tiết về các công ty đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 30/06/2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Công trình 791	Nghệ An	18,85%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Công ty CP Công trình 792	Quảng Bình	18,00%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Công ty CP Công trình 793	Quảng Trị	12,47%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Công ty CP Xây dựng Công trình Đường sắt 796	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Công ty CP Công trình Cơ giới 798	Hà Nội	10,28%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Công ty CP Công trình 875	Đà Nẵng	10,25%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	Thừa Thiên Huế	10,78%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Công ty CP Công trình 879	Thừa Thiên Huế	17,40%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Công ty CP Vật tư Đường sắt Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	8,00%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Công ty CP Neo Floor	Thành phố Hải Phòng	18,33%	Sản xuất, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	156.263.801.197	156.263.801.197	195.428.209.696	195.428.209.696
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	38.736.558.068	38.736.558.068	43.963.047.788	43.963.047.788
- Công ty CP BKT	49.764.812.572	49.764.812.572	63.038.367.005	63.038.367.005
- Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Đường sắt Đông Dương	17.029.313.400	17.029.313.400	20.529.313.400	20.529.313.400
- Công ty CP Thiết bị và Vật tư TH Việt Nam	5.698.797.922	5.698.797.922	7.698.797.922	7.698.797.922
- Công ty CP Nhân Luật Miền Bắc	6.787.957.135	6.787.957.135	6.563.829.573	6.563.829.573
- Các đối tượng khác	38.246.362.100	38.246.362.100	53.634.854.008	53.634.854.008
Cộng	156.263.801.197	156.263.801.197	195.428.209.696	195.428.209.696
<i>Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết theo Thuyết minh số 37)</i>	<i>208.587.811</i>	<i>208.587.811</i>	<i>97.200.000</i>	<i>97.200.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Ban Quản lý dự án 85	4.464.093.600	4.464.093.600	19.358.767.600	19.358.767.600
- Ban Quản lý dự án Đường sắt	3.336.335.864	3.336.335.864	5.543.116.965	5.543.116.965
- Ban Quản lý dự án Đường Hồ Chí Minh	-	-	8.345.285.000	8.345.285.000
- Công ty Cổ phần Công trình 793	5.082.786.613	5.082.786.613	-	-
- Công ty Cổ phần Công trình 792	2.095.918.593	2.095.918.593	-	-
- Các khách hàng khác	2.796.270.083	2.796.270.083	1.425.636.326	1.425.636.326
	17.775.404.753	17.775.404.753	34.672.805.891	34.672.805.891
	7.511.060.800	-	-	-

Trong đó, Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết theo Thuyết minh số 37)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	01/01/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	598.470.337	18.442.680.964	18.854.594.962	1.010.384.335
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.850.149.415	482.313.475	2.600.000.000	7.967.835.940
- Thuế thu nhập cá nhân	1.275.811.600	485.523.597	41.315.681	831.603.684
- Thuế tài nguyên	101.297.000	386.110.800	439.636.000	154.822.200
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.874.488.122	1.909.004.226	1.548.951.871	1.514.435.767
- Các loại thuế khác	-	419.484.922	429.250.481	9.765.559
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	773.216.203	3.000.000	1.003.778.423	1.773.994.626
	10.473.432.677	22.128.117.984	24.917.527.418	13.262.842.111
	30/06/2025	Số phải thu trong kỳ	Số đã thực thu/ khấu trừ trong kỳ	01/01/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.635.806.446	25.707.191	-	1.610.099.255
	1.635.806.446	25.707.191	-	1.610.099.255

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Tại ngày 30/06/2025		Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
VAY NGẮN HẠN	381.524.937.944	381.524.937.944	253.418.024.683	210.538.846.155	340.645.759.416	340.645.759.416
Vay ngắn hạn	380.497.102.944	380.497.102.944	252.639.524.683	209.908.875.655	339.766.453.916	339.766.453.916
Nguyễn Hữu Đức (i)	866.300.000	866.300.000	3.196.300.000	8.949.000.000	6.619.000.000	6.619.000.000
Nguyễn Hải Duy (i)	30.783.000.000	30.783.000.000	15.750.000.000	11.700.000.000	26.733.000.000	26.733.000.000
Nguyễn Gia Long (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Duy Ánh (i)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-	-	-
Đỗ Quỳnh Ngân (i)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Phú Nam Sơn (ii)	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Khoa	-	-	1.500.000.000	-	500.000.000	500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (iii)	299.856.689.831	299.856.689.831	183.202.111.570	183.239.905.510	299.894.483.771	299.894.483.771
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (iv)	5.991.113.113	5.991.113.113	5.991.113.113	6.019.970.145	6.019.970.145	6.019.970.145
Vay và nợ dài hạn tới hạn trả (dưới 1 năm)	1.027.835.000	1.027.835.000	778.500.000	629.970.500	879.305.500	879.305.500
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (v)	1.027.835.000	1.027.835.000	778.500.000	629.970.500	879.305.500	879.305.500
VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	441.500.000	441.500.000	900.000.000	778.500.000	320.000.000	320.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (v)	441.500.000	441.500.000	900.000.000	778.500.000	320.000.000	320.000.000
Tổng cộng	381.966.437.944	381.966.437.944	254.318.024.683	211.317.346.155	340.965.759.416	340.965.759.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (i) Vay ngắn hạn các cá nhân theo các hợp đồng cho vay vốn có thời hạn vay 3 tháng tính từ ngày Tổng Công ty Công trình Đường sắt nhận được khoản tiền về tài khoản. Trong trường hợp đến ngày đáo hạn hợp đồng mà các cá nhân chưa có nhu cầu nhận lại tiền gốc thì hợp đồng vay này được tự động tái tục. Lãi suất 12%/năm nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo của khoản vay là tín chấp.
- (ii) Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn theo hợp đồng cho vay vốn số 506/RCC/PNS ngày 05/06/2025, thời hạn vay 3 tháng tính từ ngày Tổng Công ty Công trình Đường sắt nhận được khoản tiền về tài khoản, trong trường hợp đến ngày đáo hạn hợp đồng mà Công ty Cổ phần Phú Nam Sơn chưa có nhu cầu nhận lại tiền gốc thì hợp đồng vay này được tự động tái tục. Lãi suất 14%/năm nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo của khoản vay là tín chấp.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/580058/HĐTD ngày 14/11/2024 có hạn mức 1.000.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức nhưng không quá ngày 31/10/2025. Lãi suất cho vay được xác định trên từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp giữa Công ty Cổ phần Tổng công ty công trình Đường Sắt và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã được đăng ký giao dịch bảo đảm.
- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội theo khế ước nhận nợ 02/0012/2024/HDHM-PN/SHB.110200 với số tiền 5.991.113.113 VNĐ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ các hoạt động thi công xây dựng và thương mại nguyên vật liệu. Thời hạn vay là 10 tháng từ ngày giải ngân 20/02/2025 lãi suất 9%/năm áp dụng 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành trong tương lai số 2805/2024/HĐTC-PN/SHB.110200 ngày 28/5/2024 giữa SHB và Công ty CP Tổng Công ty Công trình Đường Sắt.
- (v) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô theo các hợp đồng số 02/2021/580058/HĐTD ngày 14/09/2021 với thời hạn vay 60 tháng; hợp đồng số 01/2023/580058/HĐTD ngày 19/01/2023 với thời hạn vay 36 tháng; hợp đồng số 01/2025/580058/HĐTD ngày 28/03/2025 với thời hạn vay 24 tháng. Mục đích vay để đầu tư tài sản cố định với lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp giữa Công ty Cổ phần Tổng công ty công trình Đường Sắt và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã được đăng ký giao dịch bảo đảm.

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	381.818.184	763.636.368
- Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	381.818.184	763.636.368
Dài hạn	5.854.545.423	5.854.545.423
- Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	5.854.545.423	5.854.545.423
Cộng	6.236.363.607	6.618.181.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	24.298.965.981	31.046.892.559
- Chi phí lãi vay	317.108.731	380.749.256
- Trích trước chi phí công trình	23.981.857.250	30.666.143.303
+ Cầu Tam Giang - Huyện Núi Thành - Quảng Nam	3.010.117.486	3.030.062.811
+ Gói thầu XL-VNT2-03: Cải tạo, nâng cấp đoạn Km1241+990-Km1314+930 Tỉnh Khánh Hòa	1.905.915.047	-
+ Gói 04: Cầu Hòa Xuân	4.855.467.589	9.038.758.753
+ Gói thầu XL-VNT2-01A	1.767.030.074	5.611.294.436
+ Chi phí trích trước các công trình khác	12.443.327.054	12.986.027.303
b) Dài hạn	158.576.730	371.018.012
- Trích trước chi phí cho thuê tài sản	158.576.730	371.018.012
Cộng	24.457.542.711	31.417.910.571

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	6.335.705.269	5.227.143.910
- Kinh phí công đoàn	52.764.978	88.090.525
- Bảo hiểm xã hội	127.436.876	129.048.202
- Bảo hiểm y tế	1.750.166	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.500.000	47.896.800
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	87.400.787	87.400.787
- Lãi vay phải trả	3.274.019.584	2.011.486.904
- Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.280.794.521	1.416.000.000
- Phải trả khác	1.489.038.357	1.447.220.692
Dài hạn	154.000.000	158.000.000
- Nhận đặt cọc thuê xưởng	74.000.000	-
- Kinh phí đào tạo của Cán bộ Công nhân viên	80.000.000	158.000.000
Cộng	6.489.705.269	5.385.143.910
Trong đó, Phải trả khác là các bên liên quan (Chi tiết theo Thuyết minh số 37)	3.048.917.139	1.734.703.809

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY**CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

Số 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng

kết thúc ngày 30/06/2025

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**23.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
01/01/2024	320.647.490.000	5.332.962.934	1.296.421.018	46.439.064.706	31.176.919.094	404.892.857.752
- Lãi trong năm trước	-	-	-	1.313.805.244	2.431.996.686	3.745.801.930
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(2.190.045.792)	(2.190.045.792)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.196.004.545)	(132.372.928)	(1.328.377.473)
- Do thoái giảm vốn đầu tư tại công ty con	-	(861.803.699)	-	(294.226.142)	7.260.029.841	6.104.000.000
31/12/2024	320.647.490.000	4.471.159.235	1.296.421.018	46.262.639.263	38.546.526.901	411.224.236.417
01/01/2025	320.647.490.000	4.471.159.235	1.296.421.018	46.262.639.263	38.546.526.901	411.224.236.417
- Lãi/Lỗ trong kỳ	-	-	-	(30.992.734.725)	282.478.302	(30.710.256.423)
30/06/2025	320.647.490.000	4.471.159.235	1.296.421.018	15.269.904.538	38.829.005.203	380.513.979.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	30/06/2025		01/01/2025	
	Vốn góp VND	Tỷ lệ %	Vốn góp VND	Tỷ lệ %
- Ông Tạ Hữu Diễn	62.410.750.000	19,46%	62.410.750.000	19,46%
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	31.057.500.000	9,69%	31.057.500.000	9,69%
- Ông Nguyễn Xuân Cường	27.704.300.000	8,64%	27.704.300.000	8,64%
- Ông Nguyễn Hải Duy	27.387.600.000	8,54%	27.387.600.000	8,54%
- Ông Đậu Hoàng Việt	20.662.400.000	6,44%	20.662.400.000	6,44%
- Các cổ đông khác	151.424.940.000	47,23%	151.424.940.000	47,23%
Cộng	320.647.490.000	100,00%	320.647.490.000	100,00%

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	320.647.490.000	320.647.490.000
- Vốn góp cuối kỳ	320.647.490.000	320.647.490.000
Chia cổ tức:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	87.400.787	87.400.787
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	-	2.190.045.792
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	2.190.045.792
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả trong kỳ	-	2.190.045.792
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	2.190.045.792
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	87.400.787	87.400.787

23.4 Cổ phiếu

	30/06/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.064.749	32.064.749
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.064.749	32.064.749
- Cổ phiếu phổ thông	32.064.749	32.064.749
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.064.749	32.064.749
- Cổ phiếu phổ thông	32.064.749	32.064.749
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

Số 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng

kết thúc ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Doanh thu xây lắp	209.752.675.464	282.543.157.414
- Doanh thu sản xuất công nghiệp	4.344.725.000	15.142.450.600
- Doanh thu cho thuê văn phòng	3.825.382.566	3.423.451.517
- Doanh thu cho thuê tài sản cố định, công cụ dụng cụ	3.862.525.907	6.255.637.911
- Doanh thu cung cấp vật tư, hàng hóa	4.860.491.211	4.217.901.610
- Doanh thu khác	2.093.288.752	2.411.470.080
Cộng	228.739.088.900	313.994.069.132
<i>Trong đó, Doanh thu với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)</i>	<i>5.958.179.815</i>	<i>7.137.427.608</i>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Giá vốn xây lắp	206.335.495.643	254.842.753.966
- Giá vốn sản xuất công nghiệp	2.963.012.453	10.422.480.259
- Giá vốn cho thuê văn phòng	2.587.198.666	2.237.409.509
- Giá vốn cho thuê tài sản cố định, công cụ dụng cụ	7.210.962.532	7.174.440.735
- Giá vốn cung cấp vật tư, hàng hóa	4.549.918.441	3.840.031.018
- Giá vốn khác	1.813.954.244	1.169.784.404
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.308.030.529)
Cộng	225.460.541.979	278.378.869.362

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	20.025.754	189.359.847
Cộng	20.025.754	189.359.847

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí lãi vay	14.149.542.475	12.477.079.731
- Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	835.569.612	1.910.243.321
- Chi phí tài chính khác	47.600.000	-
Cộng	15.032.712.087	14.387.323.052
<i>Trong đó, Chi phí tài chính với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)</i>	<i>1.602.958.959</i>	<i>442.030.247</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí nhân công	16.200.000	59.900.000
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	88.504.432	101.845.220
- Chi phí khấu hao TSCĐ	22.377.628	22.739.808
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.475.000	837.241.645
Cộng	238.557.060	1.021.726.673

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí nguyên liệu vật liệu	576.264.585	146.579.583
- Chi phí nhân công	9.467.754.373	8.449.928.418
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	79.180.476	37.803.092
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.697.975.731	1.806.249.392
- Thuế, phí và lệ phí	181.284.240	223.343.872
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.022.670.966	4.730.116.274
- Chi phí bằng tiền khác	1.552.430.843	1.128.155.404
Cộng	18.577.561.214	16.522.176.035

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí nguyên nhiên vật liệu	92.287.691.252	151.721.070.750
- Chi phí nhân công	18.913.337.568	17.467.620.861
- Khấu hao tài sản cố định	6.879.101.217	7.267.967.976
- Chi phí công cụ dụng cụ	376.862.013	139.648.312
- Thuế, phí và lệ phí	181.284.240	225.743.872
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.164.910.368	123.059.937.537
- Chi bằng tiền, chi phí khác	10.466.856.144	4.335.419.192
Cộng	250.270.042.802	304.217.408.500

31. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	52.438.897
- Thu từ tiền bồi thường bảo hiểm chi trả	-	18.305.969
- Tiền thuê đất được giảm	-	729.019.065
- Thu nhập khác	85.572.031	63.611.108
Cộng	85.572.031	863.375.039

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Các khoản bị phạt hành chính, phạt thuế	61.047.319	12.631.372
- Chi phí trong thời gian dừng sản xuất	-	173.087.579
- Các khoản khác	-	295.000
Cộng	61.047.319	186.013.951

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	-	1.482.347.408
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các công ty con	142.190.628	458.530.187
Chi phí thuế TNDN hiện hành	142.190.628	1.940.877.595

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	785.361.320	827.694.141
	785.361.320	827.694.141

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	42.332.821	42.332.821
	42.332.821	42.332.821

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

Số 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng
kết thúc ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. LÃI/ LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lãi/(Lãi) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(30.992.734.725)	2.063.936.179
Lãi/(Lãi) bỏ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(30.992.734.725)	2.063.936.179
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.064.749	32.064.749
Lãi/(Lãi) cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(967)	64

36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty có ký hợp đồng thuê khu đất 120,8 m² tại số 22, ngõ 371 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc, thời hạn thuê từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến ngày 15 tháng 10 năm 2043. Theo hợp đồng này, Tổng Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê.

Ngoài ra, Tổng Công ty và các công ty con có ký các hợp đồng thuê đất theo hình thức trả tiền thuê hàng năm tại các địa điểm sau:

STT	Vị trí khu đất	Diện tích (m ²)	Mục đích	Thời hạn thuê
1	Số 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội	2005,2	Văn phòng làm việc và kinh doanh dịch vụ	30 năm (từ 26/12/2001 đến 26/12/2031)
2	Phường Tân Thới Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh	1220,5	Cơ sở sản xuất kinh doanh	50 năm (từ 25/05/2005 đến 25/05/2055)
3	Số 187 Hùng Vương, thành phố Huế	2120	Kho vật tư	30 năm (từ 11/04/2001 đến 11/04/2031)
4	Số 131 Thạch Hãn, phường Thuận Hòa, thành phố Huế	5976	Đất xây dựng	30 năm (từ 21/03/2001 đến 21/03/2031)
5	Số 61 Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	78422	Văn phòng làm việc	Đến 01/01/2046
6	37, 42 Nguyễn Phước Chu, phường Hiệp Hòa Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	2237,3	Cho thuê lại	Đến 03/07/2029
7	Khối Tân Thành, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	185415,2	Văn phòng làm việc, kho vật tư, khai thác khoáng sản,...	Đến 23/10/2025

37. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch và/hoặc có các khoản phải thu/phải trả với Tổng công ty trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Công trình 791	Tổng Công ty là cổ đông lớn
Công ty CP Công trình 792	Tổng Công ty là cổ đông lớn
Công ty CP Công trình 793	Tổng Công ty là cổ đông lớn
Công ty CP Xây dựng Công trình Đường sắt 796	Tổng Công ty là cổ đông lớn
Công ty CP Công trình Cơ giới 798	Tổng Công ty là cổ đông lớn
Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	Tổng Công ty là cổ đông lớn
Công ty CP Công trình 879	Tổng Công ty là cổ đông lớn
Công ty CP Công trình 875	Tổng Công ty là cổ đông lớn
Công ty CP Thu Ngân	Bên liên quan với Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thành Nam	Bên liên quan với Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	Bên liên quan với Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Xây dựng Hạ Long	Bên liên quan với Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Khoáng sản Minh Cẩm	Bên liên quan với Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Bên liên quan với Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Chứng khoán An Phát	Bên liên quan với Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	Cổ đông lớn của Tổng Công ty
Ông Nguyễn Hải Duy	Cổ đông lớn của Tổng Công ty
Công ty TNHH và Đầu tư An Ngọc	Người đại diện pháp luật Công ty là bên liên quan với Thành viên HĐQT
Công ty CP Neo Floor	Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật Công ty này

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

Số 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng

kết thúc ngày 30/06/2025

37. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với bên liên quan

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Mua hàng từ bên liên quan	57.870.218.197	52.322.806.567
- Công ty CP Công trình 791	4.418.707.837	2.834.770.024
- Công ty CP Công trình 792	15.390.468.518	7.894.957.408
- Công ty CP Công trình 793	11.794.981.866	3.085.565.741
- Công ty CP Xây dựng Công trình Đường sắt 796	9.699.867.239	15.925.514.869
- Công ty CP Công trình Cơ giới 798	2.549.484.259	4.510.139.815
- Công ty CP Công trình 875	3.084.658.479	7.517.592.091
- Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	4.030.601.851	4.415.334.211
- Công ty CP Công trình 879	6.811.448.148	6.038.932.408
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	-	100.000.000
- Công ty TNHH và Đầu tư An Ngọc	90.000.000	-
Bán hàng cho bên liên quan	5.958.179.815	7.137.427.608
- Công ty CP Công trình 791	100.983.000	206.277.600
- Công ty CP Công trình 792	1.302.057.776	766.279.979
- Công ty CP Công trình 793	360.855.437	1.198.630.260
- Công ty CP Xây dựng Công trình Đường sắt 796	556.551.155	1.432.038.761
- Công ty CP Công trình Cơ giới 798	711.437.290	752.572.498
- Công ty CP Công trình 875	511.434.259	1.215.682.450
- Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	2.233.400.085	1.138.416.066
- Công ty CP Công trình 879	91.509.904	104.046.667
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thành Nam	-	143.581.509
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	89.950.909	179.901.818
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	190.000.000
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	-	100.000.000
- Công ty TNHH và Đầu tư An Ngọc	-	90.000.000
Chi phí lãi vay	1.602.958.959	442.030.247
- Ông Nguyễn Hải Duy	1.602.958.959	442.030.247

Số dư với bên liên quan

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu của khách hàng	67.418.580.326	65.771.734.603
- Công ty CP Công trình 791	161.311.640	138.827.610
- Công ty CP Công trình 792	2.657.396.160	2.650.796.160
- Công ty CP Công trình 793	424.788.500	421.488.500
- Công ty CP Xây dựng Công trình Đường sắt 796	20.326.908.982	19.725.833.734
- Công ty CP Công trình Cơ giới 798	993.842.514	945.242.514
- Công ty CP Công trình 875	12.754.218.297	14.195.269.297
- Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	29.344.499.933	26.938.662.488
- Công ty CP Công trình 879	29.700.000	29.700.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thành Nam	725.914.300	725.914.300

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

Số 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng
kết thúc ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với bên liên quan (tiếp)

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trả trước cho người bán	214.229.877.035	183.802.798.932
- Công ty CP Công trình 791	16.274.239.814	17.018.159.696
- Công ty CP Công trình 792	19.091.823.484	20.658.853.484
- Công ty CP Công trình 793	37.412.344.906	35.668.836.020
- Công ty CP Xây dựng Công trình Đường sắt 796	25.090.792.061	24.641.788.888
- Công ty CP Công trình Cơ giới 798	41.125.756.231	28.176.494.147
- Công ty CP Công trình 875	20.397.602.619	15.203.446.777
- Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	20.058.434.882	12.347.484.882
- Công ty CP Công trình 879	30.876.083.038	26.087.735.038
- Công ty TNHH và Đầu tư An Ngọc	3.902.800.000	4.000.000.000
Phải thu khác	54.350.280	4.256.137.630
- Công ty CP Công trình 879	54.350.280	36.233.520
- Ông Nguyễn Hải Duy	-	4.219.904.110
Phải trả cho người bán	208.587.811	97.200.000
- Công ty TNHH và Đầu tư An Ngọc	-	97.200.000
- Công ty Cổ phần Công trình 791	208.587.811	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.511.060.800	-
- Công ty CP Công trình 793	5.082.786.613	-
- Công ty CP Công trình 792	2.095.918.593	-
- Công ty CP Công trình Cơ giới 798	231.185.416	-
- Công ty CP Công trình 879	101.170.178	-
Phải trả khác	3.048.917.139	1.734.703.809
- Ông Nguyễn Hải Duy	2.883.608.055	1.585.289.644
- Công ty CP Công trình 793	53.949.820	39.458.185
- Công ty CP Công trình 875	9.279.360	9.279.360
- Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	26.895.980	26.895.980
- Công ty CP Xây dựng Công trình Đường sắt 796	11.585.844	10.182.560
- Công ty CP Công trình 791	3.598.080	3.598.080
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	60.000.000	60.000.000
Các khoản vay	30.783.000.000	26.733.000.000
- Ông Nguyễn Hải Duy	30.783.000.000	26.733.000.000

Thu nhập của ban quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
		VND	VND
Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	111.111.000	111.000.000
Ông Tạ Hữu Diễn	Phó chủ tịch HĐQT	436.611.000	681.000.000
Ông Võ Văn Phúc	Thành viên HĐQT	390.923.000	310.700.000
	kiêm Tổng Giám đốc		
Ông Phạm Hồng Thắng	Thành viên độc lập	33.333.000	33.300.000
Ông Phạm Ngọc Quốc	Thành viên HĐQT	55.556.000	111.000.000
Ông Kiều Nghị	Phó Tổng Giám đốc	181.871.000	142.400.000
Bà Vũ Thị Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	148.832.000	252.400.000
Bà Nguyễn Thị Thanh	Kế toán trưởng	357.071.000	201.800.000
Tổng		1.715.308.000	1.843.600.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔNG CÔNG TY
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

Số 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng

kết thúc ngày 30/06/2025

38. BÁO CÁO BỘ PHẬN

a, Theo lĩnh vực kinh doanh

Năm	Xây lắp	Sản xuất công nghiệp	Hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Điều chỉnh	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
06 tháng đầu năm 2025						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	209.752.675.464	4.344.725.000	14.641.688.436	228.739.088.900	-	228.739.088.900
Giá vốn hàng bán	207.477.279.943	1.821.228.153	16.162.033.883	225.460.541.979	-	225.460.541.979
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.275.395.521	2.523.496.847	(1.520.345.447)	3.278.546.921	-	3.278.546.921
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	991.247.197.212	-	991.247.197.212
Tổng Tài sản	-	-	-	991.247.197.212	-	991.247.197.212
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	610.733.217.218	-	610.733.217.218
Tổng nợ phải trả	-	-	-	610.733.217.218	-	610.733.217.218
Năm	Xây lắp	Sản xuất công nghiệp	Hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Điều chỉnh	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
06 tháng đầu năm 2024						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	282.543.157.414	15.142.450.600	16.308.461.118	313.994.069.132	-	313.994.069.132
Giá vốn hàng bán	254.842.753.966	10.422.480.259	13.113.635.137	278.378.869.362	-	278.378.869.362
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	27.700.403.448	4.719.970.341	3.194.825.981	35.615.199.770	-	35.615.199.770
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	-	-	-
Tài sản bộ phận	981.139.484.374	131.129.259.759	3.042.570.466	1.115.311.314.599	(26.903.667.519)	1.088.407.647.080
Tài sản không phân bổ	-	-	-	5.719.908.848	-	5.719.908.848
Tổng Tài sản	981.139.484.374	131.129.259.759	3.042.570.466	1.121.031.223.447	(26.903.667.519)	1.094.127.555.928
Nợ phải trả của các bộ phận	693.858.455.815	16.735.279.268	-	710.593.735.083	(23.402.877.854)	687.190.857.229
Tổng nợ phải trả	693.858.455.815	16.735.279.268	-	710.593.735.083	(23.402.877.854)	687.190.857.229

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**

Số 33 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng
kết thúc ngày 30/06/2025

38. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

a, Theo địa lý

06 tháng đầu năm 2025	Hà Nội	Nghệ An	Đà Nẵng	Tổng cộng các bộ phận	Điều chỉnh	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	214.882.165.162	18.416.210.628	2.819.748.826	236.118.124.616	(7.379.035.716)	228.739.088.900
Tài sản bộ phận	975.782.357.286	86.152.503.804	47.383.466.011	1.109.318.327.101	-	1.109.318.327.101
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	-	-	-
06 tháng đầu năm 2024	Hà Nội	Nghệ An	Đà Nẵng	Tổng cộng các bộ phận	Điều chỉnh	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	289.252.932.042	15.204.955.046	9.536.182.044	313.994.069.132	-	313.994.069.132
Tài sản bộ phận	989.901.963.688	77.638.009.797	53.491.249.962	1.121.031.223.447	(26.903.667.519)	1.094.127.555.928
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.640.942.458	1.354.474.582	-	2.995.417.040	-	2.995.417.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 22/08/2025, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thông qua Nghị quyết số 22/NQ-RCC-ĐHĐCĐ về việc tăng vốn điều lệ để bổ sung vốn lưu động bằng Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp với số lượng cổ phiếu là 10.000.000 cổ phiếu, giá bán tối thiểu 15.000 đồng/cổ phiếu, dự kiến thực hiện trong năm 2025.

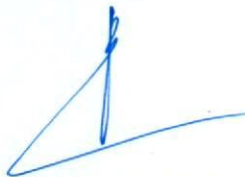
Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán của Tổng Công ty. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 của Tổng Công ty đã được soát xét.

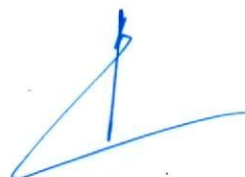
Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

Người lập biểu



Lê Phú Minh Đức

Phụ trách kế toán



Lê Phú Minh Đức

Tổng Giám đốc



Võ Văn Phúc